

# CÁC QUỐC GIA ĐÔNG ÂU trong Liên minh Châu Âu và ASEM

TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH

*Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh*

Liên minh Châu Âu (EU) đã chính thức kết nạp 10 thành viên mới vào ngày 01/5/2004, đưa tổ chức này lên 25 thành viên và trở thành liên kết kinh tế khu vực lớn nhất hiện nay trên thế giới. Sự kiện này có một ý nghĩa quan trọng không những đối với sự phát triển của EU nói riêng, mà còn tác động đến mối quan hệ giữa EU và các tổ chức khác, trong đó có mối quan hệ EU – ASEAN. Mười quốc gia thành viên mới gia nhập EU là: Ba Lan, Hungary, Cộng hoà Séc, Slovakia, Slovenia, Latvia, Lithuania, Estonia, Cyprus và Malta, với tổng dân số trên 75 triệu và GDP tính theo PPP khoảng 790 tỷ

USD. Mười thành viên mới kể trên đã đưa EU trở thành khu vực thị trường có tiềm năng kinh tế lớn nhất thế giới với dân số 454 triệu (2002), GDP theo PPP năm 2003 gần 10.000 tỷ USD, cao hơn mức Mỹ. Đây cũng là thị trường hấp dẫn đối với các nước trong tổ chức ASEAN.

Trong 10 quốc gia mới của EU thì có đến 8 quốc gia thuộc khối xã hội chủ nghĩa trước đây. Điều này có thể nói, việc mở rộng EU lần này là sự gia nhập của nhóm các quốc gia Đông Âu có trình độ phát triển kinh tế tương đối thấp, không tương đồng với trình độ phát triển của EU – 15 cũ.

**Bảng 1: GDP của các thành viên mới và của EU – 15**

	Dân số (triệu người)	GDP (theo PPP) (tỷ USD)	GDP (theo PPP) bình quân đầu người (USD/người)
Ba Lan	38,60	365,290	9.463
Cộng hoà Séc	10,30	150,534	14.615
Hungary	10,00	125,693	12.569
Slovakia	5,40	64,623	11.967
Slovenia	2,00	34,128	17.064
Latvia	2,40	18,230	7.596
Lithuania	3,70	29,510	7.976
Estonia	1,40	13,875	9.911
Cộng hoa Síp	0,80	16,120	20.150
Malta	0,40	5,199	12.998
EU -15	376,50	9.113,309	24.20514

*Nguồn: World Development Indicators Database, World Bank, April 2003.*

Vấn đề nan giải và khó khăn nhất đối với quá trình hội nhập của các quốc gia thành viên mới trong khuôn khổ EU là sự chênh lệch đáng kể về trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia thành viên mới và cũ của EU. Điều này đòi hỏi sự nỗ lực mạnh mẽ từ phía các quốc gia thành viên mới và sự giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời từ phía các quốc gia có trình độ phát triển cao trong EU-15. Phần lớn các nhà kinh tế và chính trị gia đều có chung một nhận định lạc quan về kết quả hội nhập của các

quốc gia Đông Âu trong quá trình mở rộng EU. Và để làm sáng tỏ nhận định này, chúng ta sẽ xem xét các yếu tố quan trọng giúp cho sự hội nhập thành công của các quốc gia Đông Âu trong quá trình gia nhập EU. Điều này được chứng minh bởi quá trình tăng trưởng kinh tế của các quốc gia Đông Âu những năm gần đây khá ổn định và thể hiện khu vực Đông Âu là một trong những khu vực kinh tế năng động trên thế giới hiện nay.

**Bảng 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của các thành viên mới và của EU**

	1985-94	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003*	2004*
<b>Ba Lan</b>	1,3	6,8	6,0	6,8	4,8	4,1	4,0	1,0	1,3	2,6	4,1
<b>Cộng hoà Séc</b>	-	5,9	4,3	-0,8	-1,0	0,5	3,3	3,1	2,0	1,9	3,3
<b>Hungary</b>	-1,1	1,5	1,3	4,6	4,9	4,2	5,2	3,8	3,3	3,6	3,9
<b>Slovakia</b>	-	6,5	5,8	5,6	4,0	1,3	2,2	3,3	4,4	4,0	4,2
<b>Slovenia</b>	-	4,9	3,5	4,6	3,8	5,2	4,6	3,0	2,9	3,2	3,8
<b>Latvia</b>	-	-0,8	3,7	8,4	4,8	2,8	6,8	7,9	6,1	5,5	6,0
<b>Litva (Lithuania)</b>	-	3,3	4,7	7,3	5,1	-3,9	3,8	5,9	5,9	5,3	5,7
<b>Estonia</b>	-	4,3	3,9	9,8	4,6	-0,6	7,1	5,0	5,0	4,9	5,2
<b>EU (12)**</b>	-	2,2	1,4	2,3	2,9	2,8	3,5	1,4	0,8	1,1	2,3

(\*): Số liệu dự báo; (\*\*): Không có Đan Mạch, Thụy Điển và Vương Quốc Anh.

Nguồn: *World Economic Outlook*. IMF; March 19, 2003.

Ngoài ra, sự tham gia phân công lao động quốc tế, chuyên môn hoá quốc tế, khả năng cạnh tranh của các quốc gia Đông Âu trên thị trường quốc tế và thị trường EU tương đối cao. Đặc biệt, trong những năm gần đây, các quốc gia Đông Âu đã bắt đầu

phát triển các sản phẩm có hàm lượng công nghiệp cao trong các lĩnh vực như: chế tạo máy, dược phẩm, công nghệ laser, chế tạo robot... Ngoại thương của Đông Âu với EU đã được mở rộng từ khi Liên Xô và nước XHCN Đông Âu sụp đổ (1991).

**Bảng 3: Tỷ trọng xuất khẩu so với GDP và cơ cấu xuất khẩu hàng công nghiệp của các quốc gia Đông Âu**

	Tỷ trọng xuất khẩu so với GDP	Tỷ trọng hàng công nghiệp trong xuất khẩu	Tỷ trọng máy móc thiết bị trong xuất khẩu
Ba Lan	27,9	80,2	34,2
Cộng hoà Séc	63,6	88,4	44,3
Hungary	55,4	85,1	57,4
Slovakia	65,6	83,8	38,5
Slovenia	56,1	76,6	33,6
Latvia	47,0	58,6	8,0
Lithuania	44,0	58,2	19,9
Estonia	84,3	74,9	34,1

*Nguồn: World Investment Report 2002: Transnational Corporations and Export Competitiveness UN,2002; UNCTAD HANDBOOK OF STATISTICS 2002.*

Năm 1995 hầu hết hàng hoá của các quốc gia Đông Âu được tự do thâm nhập thị trường EU, ngoại trừ một số mặt hàng nhạy cảm như: hàng nông sản, thuỷ sản và dệt may. Xuất khẩu hàng hoá của các quốc gia Đông Âu năm 2001 vào thị trường EU chiếm tới 68,8%<sup>1</sup>. Nếu xét tới các yếu tố về trình độ phát triển khoa học và công nghệ thì các quốc gia Đông Âu tương đối cao; Các nước này cũng có vị trí địa lý thuận lợi và có các yếu tố lịch sử, văn hoá và tôn giáo tương đối tương đồng.

Quan hệ mua bán giữa các nước Đông Âu và Việt Nam đã được thiết lập từ lâu và hai bên trở thành bạn hàng truyền thống của nhau. Sau khi phe xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã (1991) quan hệ này có bị chững lại, nhưng từ năm 1995 đến nay đã

bắt đầu khởi sắc, mặc dù kim ngạch mua bán giữa hai bên còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên.

Qua bảng 4 dưới đây ta thấy, hàng hoá Việt Nam xuất khẩu chủ yếu sang các nước như Ba Lan, Sec và Hungaria, là những nước có mối quan hệ khá gắn bó với Việt Nam.

Theo nhận định của nhiều nhà kinh tế, sự kiện mở rộng EU lần này sẽ có ảnh hưởng nhất định đến quan hệ kinh tế song phương và đa phương giữa các liên kết kinh tế thế giới. Đồng thời, nó đã mở ra những cơ hội cũng như những thách thức mới cho mối quan hệ EU – ASEAN và nhất là quan hệ EU - Việt Nam trong việc phát triển quan hệ kinh tế song phương với EU.

**Thứ nhất, về những cơ hội mới:**

*Một là, quan hệ chính trị và ngoại giao*

<sup>1</sup> Tính theo International Trade Statistic 2002, WTO.

**Bảng 4. Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và những nước Đông Âu thành viên mới của EU.<sup>2</sup>**

Đơn vị: Triệu USD

Nước	1998		1999		2000		2001		2002	
	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập	Xuất	Nhập
Hungaria	15,38	22,08	10,62	13,86	14,95	15,22	16,39	14,69	21,08	14,05
Ba Lan	38,22	12,05	60,22	13,67	61,40	18,37	78,51	18,17	66,96	14,30
Séc	31,50	6,10	33,80	6,52	35,22	6,40	38,22	7,60	39,48	8,95
Slovakia	2,25	1,82	5,39	2,88	5,36	2,94	5,48	1,80	7,24	1,74
Slovenia	1,03	0,01	1,30	0,07	1,68	0,01	1,57	0,02	2,15	0,73
Latvia	0,81	0,64	8,30	0,03	1,53	1,02	1,56	0,18	1,06	0,14
Lithuania	0,87	1,14	0,25	0,05	0,18	0,06	0,73	0,06	5,41	0,18
Estonia	0,16	1,68	0,20	4,44	0,21	0,37	1,13	0,74	2,01	1,04
<b>Tổng</b>	<b>90,22</b>	<b>45,52</b>	<b>120,08</b>	<b>41,52</b>	<b>120,53</b>	<b>44,39</b>	<b>143,59</b>	<b>33,26</b>	<b>145,39</b>	<b>41,13</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam*

giữa EU và ASEAN đang trong thời kỳ phát triển tốt đẹp qua 4 lần gặp gỡ nhau ở cấp cao. ASEM – IV (tháng 9 năm 2002 ở Copenhagen – Đan Mạch) cũng thể hiện quan điểm chính sách kiên trì hướng về châu Á của EU. Mối quan hệ chính trị, ngoại giao nồng ấm là điều kiện tốt để đẩy mạnh các mối quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa EU và ASEAN.

Hai là, EU mở rộng đồng nghĩa với sự mở rộng qui mô thị trường xuất khẩu của ASEAN. Kể từ năm 2001 EU trở thành thị trường xuất khẩu lớn thứ hai và là đối tác thương mại lớn thứ ba của ASEAN sau Mỹ, Nhật Bản. Ngoài ra, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU dự kiến sẽ lên tới 1.800 tỷ đô la, bằng 21,9% kim ngạch

xuất nhập khẩu của toàn thế giới (trong khi, kim ngạch xuất nhập khẩu hiện thời lớn nhất là Mỹ chỉ mới đạt đến 18%). Các thủ tục xuất nhập khẩu của ASEAN đối với 10 nước thành viên mới của EU sẽ đơn giản hơn vì chính sách thương mại và thuế quan chung của EU đối với các nước bên ngoài tổ chức. Đồng thời, khi hàng hoá nhập vào một nước thì sẽ được tự do luân chuyển ở các nước thành viên khác mà không gặp bất kỳ một cản ngại nào. Điều này sẽ tạo nhiều cơ hội cho ASEAN đa dạng hóa các loại hàng hóa, dịch vụ và tăng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường này.

Ba là, ở các nước Đông Âu, mức thuế quan đều cao hơn EU, nhưng khi vào EU thì phải áp dụng mức thuế quan chung thấp hơn. Như vậy, đây là điều kiện thuận lợi để các nước ASEAN tăng cường xuất khẩu hàng hoá sang EU nói chung và các nước Đông Âu, thành viên mới của EU nói riêng.

<sup>2</sup> Xem: Carlo Altomonte – Mario Nava (chủ biên), Kinh tế và chính sách của EU mở rộng, NXB CTQG, 2004, tr.548.

**Thứ hai, về những thách thức mới:**

*Trước tiên*, việc quan hệ giữa ASEAN và các nước Đông Âu, thành viên mới của EU trước đây thực hiện theo thỏa thuận song phương giữa hai bên với nhau. Nhưng giờ đây, những cam kết song phương giữa ASEAN với các nước này sẽ bị hủy bỏ và phải thực hiện giao thương với các nước này theo cơ chế và chính sách thương mại chung của EU.

*Hai là*, trước đây thị trường Đông Âu là một thị trường dễ tính, không đòi hỏi quá cao về chất lượng hàng hoá và hàng rào phi thuế quan ở những nước này cũng không quá nghiêm ngặt như EU. Nhưng giờ đây, khi xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ vào những thị trường này cũng phải đáp ứng yêu cầu về hải quan, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn lao động và trách nhiệm xã hội ... theo quy định chung của EU.

*Ba là*, chính sách bảo hộ nông nghiệp của EU sẽ được thực hiện đối với các nước Đông Âu, vì vậy việc xuất khẩu hàng hoá nông sản vào các nước này trước đây dễ dàng thì giờ đây sẽ gặp những khó khăn do gặp phải mức thuế quan cao đánh vào nông sản hàng hoá. Chẳng hạn, đối với mặt hàng gạo của Việt Nam khi nhập vào EU sẽ phải chịu thuế 100%, mặt hàng đường phải chịu thuế suất 200%...

*Bốn là*, đầu tư của EU vào các nước ASEAN trong những năm gần đây tuy có tăng so với trước đây, nhưng vẫn luôn chiếm vị trí khiêm tốn so với Mỹ, Nhật

Bản và nước trong khu vực. Giờ đây, các nước Đông Âu đã trở thành thành viên của EU thì tất nhiên sẽ trở thành đối thủ cạnh tranh trong việc thu hút vốn đầu tư của các nước thành viên cũ, vì dù sao các nước EU-15 cũng muốn giành quyền ưu tiên đầu tư ở các nước trong Khối. Và lại đầu tư trong nội bộ Khối vẫn cảm thấy an toàn hơn. Giai đoạn 1995- 2000 và nhất là những năm gần đây, đầu tư vốn FDI của EU – 15 chiếm đến 50% trong tổng số các nhà đầu tư chính vào các nước Đông Âu.

*Năm là*, bắt đầu từ năm 2005, với chính sách mở rộng hàng hoá, thực hiện tự do hoá thương mại, EU sẽ bỏ dần chế độ hạn ngạch và quy chế GSP đối với những hàng hoá xuất xứ từ các nước đang và kém phát triển vào EU. Điều này sẽ gây khó khăn cho những hàng hoá của ASEAN, nhất là của Việt Nam, Lào... xuất khẩu vào Đông Âu.

Đứng trước những thuận lợi và thách thức của việc EU mở rộng sang các nước Đông Âu, để củng cố mối quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa EU và ASEAN, cần lưu ý những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, thường xuyên tổ chức các đối thoại chính trị hơn để kịp thời phát hiện những bất đồng nhằm tăng cường sự đồng thuận về quan điểm và sự ủng hộ về mặt vật chất lẫn tinh thần đối với những vấn đề quốc tế và khu vực mà các bên cùng quan tâm. Chẳng hạn vấn đề khủng bố, nhân quyền, chiến tranh Iraq, vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên, những vấn đề trong nội bộ của tổ chức EU và ASEAN... Theo

chúng tôi, nên tổ chức các cuộc họp thượng đỉnh Á – Âu thường niên. Đến nay, đã có 4 lần tổ chức gặp nhau: ASEM I (1996), ASEM II (1998), ASEM III (2000), ASEM IV (2002) và năm nay ASEM V. Các cuộc gặp ASEM diễn ra theo quy định là 2 năm một lần, trong khi tình hình chính trị thế giới trong thời đại ngày nay luôn biến động, luôn đặt ra những vấn đề quốc tế và khu vực cần giải quyết. Và lại, với sự gia nhập của 10 quốc gia thành viên mới, với sự khác biệt về truyền thống chính trị và văn hoá, nên cần phải tăng cường tìm hiểu nhau hơn. Quan hệ chính trị và ngoại giao càng bền vững thì hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư mới được đẩy mạnh và ngày càng có hiệu quả hơn.

*Thứ hai*, tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư giữa hai khu vực EU và ASEAN. Đây chính là sự đẩy mạnh 3 trụ cột chính: Sự thuận lợi hoá trao đổi thương mại (TFAP), khuyến khích và tăng cường đầu tư xuyên lục địa (IPAP), xúc tiến tương hỗ giữa các doanh nghiệp. Cả hai khối trong những năm gần đây đều có thêm những thành viên mới. Về phía EU đã thêm 10 thành viên mới trong năm nay, còn ASEAN có thêm Lào, Campuchia và Myanma. Trong đó, các nước Đông Âu thành viên mới của EU có mối quan hệ truyền thống với Việt Nam trong thời kỳ phe xã hội chủ nghĩa còn tồn tại. Qua mối quan hệ này, Việt Nam có thể trở thành đầu mối cho sự phát triển quan hệ giữa EU mở rộng và ASEAN trong tương lai. Nhất là, trong ASEM V, Việt Nam sẽ làm cầu nối trong quan hệ ASEAN – EU để ASEM

V và các ASEM tiếp sau sẽ giải quyết vấn đề kết nạp 10 quốc gia mới của EU và 3 quốc gia mới của ASEAN vào ASEM.

*Thứ ba*, đẩy mạnh các chương trình hợp tác trong tất cả các lĩnh vực kinh tế – xã hội trong khuôn khổ ASEM: Hợp tác phát triển khoa học – công nghệ; Phát triển cơ sở hạ tầng (cụ thể phát triển hệ thống đường sắt xuyên Á – Âu, đường bộ xuyên Á – Âu...); Hợp tác về năng lượng; hợp tác về phát triển dịch vụ tài chính, ngân hàng, thông tin, giáo dục, đào tạo, y tế; Hợp tác bảo vệ môi trường.... Các chương trình hợp tác trên sẽ là nền tảng cho việc phát triển quan hệ EU-ASEAN, ASEM nói chung và ASEAN với các thành viên Đông Âu của EU nói riêng.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Development Indicators Database, World Bank, April 2003.
2. World Economic Outlook.IMF; March 19, 2003.
3. International Trade Statistic 2002, WTO.
4. Carlo Altomonte – Mario Nava (chủ biên), *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004.
5. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, các số năm 2001, 2002, 2003, 2004.
6. Các bài viết trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “EU mở rộng và xuất khẩu hàng hoá Việt Nam vào thị trường EU”, Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh, 12/3003.
7. *Mở rộng EU và các tác động đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004.